

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ QUANG
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 22/02/2023
V/v giải quyết ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ QUANG - HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Minh và ông Lê Xuân Thắng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Song Hào - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 01/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Lao động tự do (Có mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Hồng V, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Lao động tự do (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Phạm Hồng V lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã T) vào ngày 28/10/2011. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với bố mẹ chồng và sinh được 2 con chung.

Trong cuộc sống do không tìm được tiếng nói chung nên từ tháng 6/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; mới đây nhất là đầu năm 2022, khi anh V uống rượu về đòi chém thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, hạnh phúc không thể đạt được nên chị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Phạm Anh T, sinh ngày 26/8/2012 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2016; khi vợ chồng ly thân các con sống với anh V và ông bà Nội. Nay ly hôn nguyện vọng của chị D muốn được nuôi 2 con, nếu không được thì xin nuôi đứa con út tên là Phạm Quỳnh A và không yêu cầu anh V góp phí tốn nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 09/12/2022 và trong quá trình xét xử anh Phạm Hồng V trình bày:

Về hôn nhân: Việc vợ chồng kết hôn đúng như chị D đã trình bày; do bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã có xảy ra mâu thuẫn, uống rượu về anh chỉ dọa nạt chứ không đánh đập chị D. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay; mặc dù không còn tình cảm với chị D nhưng anh cũng không muốn ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 2 con chung, khi vợ bỏ đi thì các con ở với anh và ông bà Nội. Nếu chị D cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi 2 con vì đó là nguyện vọng của các con, hơn nữa vì không muốn 2 đứa tách rời nhau. Anh V không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con và cũng không cho phép chị D được đi lại thăm con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung không có nên không có ý kiến gì khác so với chị D.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, hai bên chỉ thống nhất về quan hệ tài sản là không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung là chưa thống nhất nên buộc Tòa phải mở phiên tòa để xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang phát biểu:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm giữa 2 vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn cho chị D được ly hôn với anh V.

Về quan hệ con chung: Nguyện vọng nuôi con của các bên là chính đáng, hai bên đều đủ điều kiện nên căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014, đề

ngiht Hội đồng xét xử giao con chung tên là Phạm Quỳnh A cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Phạm Quỳnh T cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền được đi lại chăm sóc con chung, không ai được phép ngăn cấm.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu nên không phải xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang nhận định:

1. *Về hôn nhân*: Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Phạm Hồng V là đúng quy định và hoàn toàn hợp pháp. Mặc dù tại phiên tòa anh V không nhất trí ly hôn nhưng xét về tình cảm vợ chồng thì tại bản lấy lời khai ngày 09/12/2022 cũng như tại phiên tòa anh V thừa nhận không còn tình cảm với chị D nữa. Hơn nữa qua làm việc với ông Phạm T và bà Thái Thị M là bố mẹ của anh V cũng khẳng định rằng nếu chị D quay về thì vợ chồng sống cũng không hạnh phúc.

Theo trình bày của các bên đương sự, trong quá trình chung sống, do không hiểu nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có lần đi uống rượu về anh V đã dọa nạt làm cho chị D sợ phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ; căng thẳng nhất là từ tháng 02/2022 do không thể sống chung được vợ chồng đã ly thân.

Cuộc sống hôn nhân đòi hỏi vợ chồng phải có tình cảm, chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng nay thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài thời gian quan hệ vợ chồng có thể gây bất hạnh cho cả hai bên. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho phép chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Phạm Hồng V là phù hợp với thực tế cuộc sống hiện tại của vợ chồng và đúng quy định của pháp luật.

2. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng có 2 con chung tên là Phạm Anh T, sinh ngày 26/8/2012 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2016; sau khi bố mẹ ly thân, 2 con ở với anh V và ông bà Nội. Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự vẫn không thỏa thuận được với nhau về quyền nuôi con. Do hai bên không thống nhất buộc Hội đồng xét xử phải xem xét giao con như thế nào, cho ai nuôi nhằm đảm bảo quyền

lợi chính đáng của các bên đương sự cũng như nhằm bảo vệ những đứa trẻ được phát triển bình thường, đó là điều Hội đồng xét xử cần nghiên cứu.

Xét về quyền nuôi con: Cả hai bên đương sự đều đảm bảo được quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét về điều kiện nuôi con hiện tại của hai vợ chồng:

Chị D trước đây làm công nhân sản xuất phụ tùng xe máy tại Hà Nội, thu nhập 8 triệu đồng/tháng. Cách đây 1 tháng chị không làm ở Hà Nội nữa mà về làm nhân viên phục vụ tại Nhà hàng ở huyện Hương Sơn thu nhập mỗi tháng cũng ở mức 7 - 8 triệu. Theo ý kiến của chị D nếu được giao con thì chị sẽ về nhà buôn bán như trước đây và xin mẹ đất làm nhà để chăm sóc con.

Anh V là lao động tự do, có tay nghề xây dựng, công việc tương đối ổn định thu nhập mỗi tháng từ 9 – 12 triệu đồng; hiện tại đang ở chung nhà với bố mẹ.

Nguyện vọng của con: Cả 2 đứa đều có nguyện vọng muốn ở với bố.

Qua phân tích thì điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con của hai bên là tương đương nhau. Theo quy định của pháp luật thì quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con cái của vợ chồng là ngang nhau; việc yêu cầu được quyền nuôi con của 2 bên là chính đáng, được pháp luật bảo hộ. Xét theo yêu cầu của các đương sự, xét điều kiện cụ thể của vợ chồng cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu T cho anh V trực tiếp nuôi dạy, giao cháu A cho chị D trực tiếp nuôi dạy là đáp ứng được yêu cầu thực tế của vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, đối với người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại chăm sóc con chung, không được ai ngăn cấm. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản:* Vợ chồng không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

5. ***Quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị D; xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Phạm Hồng V.

2. *Về quan hệ con chung:* Giao con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 26/8/2012 cho anh Phạm Hồng V trực tiếp nuôi dạy; giao con Phạm Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2016 cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dạy; không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con. Hai bên có quyền đi lại chăm sóc con chung không được ai ngăn cấm.

3. *Về quan hệ tài sản chung:* Không phải giải quyết.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí; buộc chị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn. Theo biên lai thu tiền số 0003542 ngày 05/10/2022 thì chị D đã nộp 300.000 đồng; số tiền này được khấu trừ vào số tiền án phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng NV – TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu HS + VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hùng